

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BỐ TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/TCDS - ST

Ngày: 27-11-2020

*“V/v tranh chấp hợp
đồng vay tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Dương Viết Hải
- *Các Hội thẩm nhân dân:* ông Phan Đức Đào và bà Nguyễn Thuỳ Hương
- *Thư ký phiên tòa:* bà Phan Thị Thuỳ Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch tham gia phiên tòa:* ông Phan Mạnh Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 11/2020/TLST - TCDS ngày 11 tháng 5 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2020/QĐXX-DSST, ngày 06/11/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* ông Lê Xuân H, sinh năm 1956; địa chỉ nơi cư trú: Thôn 1 Phúc Đ, xã Ph, huyện B, Quảng Bình, có mặt.
- *Bị đơn:* UBND xã Ph, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.
Địa chỉ: Thôn 1 Phúc Đ, xã Ph, huyện B, tỉnh Quảng Bình.
Đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Quang T - Chủ tịch UBND xã Ph
Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Vinh Kh - Phó Chủ tịch UBND xã Ph (theo văn bản uỷ quyền giữa ông Nguyễn Quang T và ông Lê Vinh Kh, có mặt.
- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*
 - + Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1958; địa chỉ: Thôn 1 Thanh S, xã Ph, huyện B, tỉnh Quảng Bình, có mặt.
 - + Ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1967; địa chỉ nơi cư trú: Thôn 2 Phúc Đ, xã Ph, huyện B, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.
 - + Ông Phạm Quốc H; địa chỉ nơi cư trú: Thôn 3 Phúc Đ, xã Ph, huyện B, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn

ông Lê Xuân H trình bày: Vào ngày 30/12/2009 ông Nguyễn Ngọc H nguyên chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) xã Ph gặp tôi và trao đổi ông có tiền cho xã mượn, tôi nhất trí. Đến khoảng 10 giờ ngày 30/12/2009 tôi đã đem tiền đến trụ sở UBND xã Ph giao cho ông H số tiền 50.000.000 đồng. Sau khi tôi giao tiền cho ông H, ông H đưa cho tôi một tờ giấy mượn tiền (tôi đã cung cấp cho Tòa án bản gốc), có bên vay đại diện UBND xã Ph gồm ông Nguyễn Ngọc H, Chủ tịch UBND xã, ông Phạm Quốc H, kế toán ngân sách xã và ông Nguyễn Thanh S, cán bộ địa chính xã; nội dung giấy mượn tiền thể hiện đại diện UBND xã Ph mượn tiền ông Lê Xuân H, địa chỉ: thôn 1 Phúc Đ, xã Ph số tiền 50.000.000 đồng; lý do mượn tiền: mượn cho UBND xã để nộp tiền cấp quyền sử dụng đất, thời gian mượn từ ngày 30/12/2009. Sau khi ông H nhận đủ số tiền mượn, ông có nói với tôi. “Sau này không có tiền mặt trả lại mà xã cắt đất nhà ở cho con em tôi”. Ông nói “Lý do xã mượn tiền dân để nộp tiền cấp quyền sử dụng đất, do xã đã thu tiền cấp quyền sử dụng đất của dân nhưng xã chỉ tiền vào công việc của xã bị thâm hụt nên phải đi mượn tiền của dân”. Sau đó ông H đi nộp hay giao cho người nào đi nộp vào Kho bạc nhà nước thì tôi không rõ. Đến năm 2015 tôi đến trực tiếp UBND xã Ph để yêu cầu trả nợ số tiền mà UBND xã mượn của tôi nhưng UBND xã trả lời xã không đủ thẩm quyền để giải quyết. Đến năm 2016, tôi đã làm đơn gửi UBND huyện B yêu cầu giải quyết nhưng không thấy trả lời nên năm 2017 tôi làm đơn gửi đến Công an huyện B đề nghị giải quyết. Đến ngày 16/02/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B có Thông báo số 04 về việc không khởi tố vụ án hình sự mà chỉ mang tính chất dân sự. Vì vậy, tôi làm đơn khởi kiện UBND xã Ph ra Tòa án nhân dân huyện B yêu cầu xử buộc UBND xã Ph phải có trách nhiệm trả cho tôi số tiền gốc 50.000.000 đồng và lãi phát sinh mà trước đây năm 2009 đại diện UBND xã thời điểm đó (do ông Nguyễn Ngọc H làm Chủ tịch) mượn của tôi để phục vụ công việc của UBND xã Ph. Tại phiên tòa ông Lê Xuân H không yêu cầu giải quyết tiền lãi phát sinh.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn UBND xã Ph ông Lê Vinh Kh trình bày: Tôi giữ nguyên như ý kiến bằng văn bản của UBND xã gửi cho Tòa án. Tôi có biết năm 2009 đại diện UBND xã (ông Nguyễn Ngọc H Chủ tịch) có vay tiền của một số hộ gia đình trên địa bàn xã, trong đó có ông Lê Xuân H, với số tiền 50.000.000 đồng và hai bên có viết giấy mượn tiền do ông H đại diện ký và đóng dấu của UBND xã Ph. Lý do mượn tiền là do thời điểm đó các hộ dân đã nộp tiền cho xã để cấp quyền sử dụng đất. Sau khi các hộ dân nộp tiền cho UBND xã thì xã không nộp vào Kho bạc nhà nước theo quy định mà lại sử dụng số tiền đó vào các hoạt động khác của UBND xã. Sau đó các hộ dân trên địa bàn đến UBND xã Ph yêu cầu được nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng vì UBND xã chưa nộp tiền vào Kho bạc nhà nước nên không thể cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được. Vì vậy, các hộ dân đã nộp tiền có yêu cầu nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không có. Do đó, UBND và Đảng ủy xã Ph đã tổ chức nhiều cuộc họp bàn về việc giải quyết vấn đề này và giao cho ông Nguyễn Ngọc H, Chủ tịch UBND xã tìm cách giải quyết. Ông H đã đứng ra xin ý kiến của Đảng ủy xã là mượn tiền của một số hộ dân để nộp tiền vào Kho bạc nhà nước làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân. Đảng ủy xã

đồng ý nhưng không có văn bản nên ông H đã đại diện UBND xã trực tiếp đứng ra đặt vấn đề với một số hộ dân để mượn tiền và được các hộ dân đồng ý cho mượn. Sau khi mượn tiền ông H đã nộp số tiền mượn vào Kho bạc nhà nước nên các hộ dân đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó các hộ dân cho UBND xã vay tiền đến đòi tiền nhưng UBND xã không giải quyết được nên Ủy ban kiểm tra Huyện ủy về giải quyết. Sau đó Ủy ban kiểm tra Huyện ủy chuyển cho cơ quan điều tra để điều tra, xác minh làm rõ. Cơ quan Điều tra đã có kết luận không có dấu hiệu tội phạm mà đây là mang tính chất dân sự nên đã Thông báo cho những hộ dân khởi kiện ra Tòa án. Việc ông H đại diện UBND xã Ph mượn tiền của một số hộ dân, trong đó có ông H số tiền 50 triệu đồng là có thật, nhưng giấy mượn tiền không lưu giữ tại xã, trong sổ sách kế toán của xã cũng không thể hiện chi tiêu vào việc gì. Sau khi nhận tiền ông H đã nộp vào Kho bạc nhà nước, không đưa vào sổ sách của xã nên xã không theo dõi được và không biết cụ thể thế nào. Khi ông H không còn giữ chức vụ Chủ tịch xã đã không có việc bàn giao công nợ của xã cho thế hệ sau nên hiện tại UBND xã không biết cụ thể có nợ hay không. Trong việc quyết toán thu chi hàng năm nội dung vay tiền các hộ dân không thể hiện. Vì vậy, việc thu chi tiền mượn của các hộ dân không qua ngân sách mà thực hiện ghi thu, ghi chi ngoài sổ sách nên không xác lập được nợ phải trả trong năm ngân sách của xã. Hiện nay, ông H khởi kiện UBND xã Ph để đòi nợ số tiền 50 triệu đồng là quyền của ông H. Đề nghị Tòa án đối chiếu với các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án theo quy định nhằm đảm bảo quyền và lợi ích của các bên đương sự.

Người có quyền lợi liên quan ông Nguyễn Ngọc H trình bày: Thời gian đó UBND xã Ph có chủ trương cấp quyền sử dụng đất và đấu giá đất cho các hộ dân trên địa bàn xã nên các hộ dân trên địa bàn đã nộp tiền cấp quyền sử dụng đất. Lẽ ra các hộ dân phải nộp tiền trực tiếp tại Kho bạc nhà nước, rồi đưa chứng từ về nộp cho UBND xã nhưng UBND xã đã trực tiếp thu hộ tiền của các hộ dân rồi đi nộp cho Kho bạc nhà nước. Sau khi nhận tiền của các hộ dân nộp, UBND xã đã lấy số tiền đó để trả nợ xây dựng cơ bản (trong đó có trường tiểu học số 3 xã Ph). Vì lúc đó ông chủ nhà thầu xây dựng trường khởi kiện UBND xã để đòi nợ nên tôi và ông H kế toán trường trực tiếp trả nợ cho chủ nhà thầu số tiền 78 triệu đồng tại trụ sở Tòa án (nhớ không rõ và không có tài liệu, chứng cứ). Ngoài ra tôi còn sử dụng số tiền của các hộ dân để xây dựng cơ sở hạ tầng khác của xã (nay tôi không nhớ cụ thể và cũng không có tài liệu chứng cứ). Sau đó các hộ dân lên UBND xã yêu cầu nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng UBND xã chưa nộp tiền vào Kho bạc theo quy định nên không cấp được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân. Đồng thời, Kho bạc yêu cầu UBND xã phải nộp tiền vào Kho bạc, nhưng số tiền các hộ dân nộp cho UBND xã đã chi vào một số công việc của UBND xã nên không có tiền để nộp vào Kho bạc. Nên tôi trực tiếp đứng ra trao đổi với một số hộ gia đình để vay tiền, trong đó có ông Lê Xuân H, số tiền 50 triệu đồng. Khi vay tiền, chị H thủ quỹ có đánh máy giấy mượn tiền có tên tôi, tên ông H và tên ông S (nhưng thực chất lúc đó chỉ có mặt tôi và chị Hoá). Ông H đưa số tiền 50 triệu trực tiếp cho tôi tại văn phòng UBND xã Ph (phòng chị H thủ quỹ). Sau đó tôi ký vào giấy và dùng dấu UBND xã Ph đóng

vào giấy mượn tiền. Sau mấy hôm tôi trực tiếp đưa số tiền mượn của ông H đến Kho bạc nhà nước nộp (có hóa đơn nộp vào Kho bạc nhà nước). Hiện nay các chứng từ mà các hộ dân nộp tiền cấp quyền sử dụng đất tại UBND xã (nộp cho chị H thủ quỹ vì lúc đó UBND xã giao cho chị H thu giúp để nộp vào Kho bạc). Các chứng từ thu, nộp tôi đã nộp cho Cơ quan điều tra Công an huyện B nên hiện tại không có tài liệu, chứng cứ gì. Hiện nay ông H khởi kiện yêu cầu UBND xã Ph trả lại cho ông H số tiền 50 triệu đồng là đúng quy định của pháp luật. Vì thời gian đó tôi là Chủ tịch UBND xã, đại diện cho UBND xã mượn tiền của các hộ dân để nộp vào Kho bạc nhà nước làm thủ tục cấp quyền sử dụng đất cho các hộ dân trên địa bàn nên UBND xã phải có trách nhiệm trả cho các hộ dân là đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Tôi biết việc tôi đại diện UBND xã mượn tiền của một số hộ dân nộp vào Kho bạc nhà nước để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng, nhưng trong thời gian đó các hộ dân yêu cầu phải cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND xã không giải quyết thì sẽ xảy ra mâu thuẫn giữa dân và chính quyền căng thẳng nên lãnh đạo UBND xã mà tôi là người đại diện họp bàn với Đảng ủy xã đưa ra phương án mượn tiền của một số hộ dân để nộp làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân và được Đảng ủy xã đồng ý (nhưng không có văn bản) nhằm đảm bảo ổn định trật tự an xã hội.

Người có quyền lợi liên quan ông Phạm Quốc H trình bày: Sự việc UBND xã Ph mượn tiền của ông Lê Xuân H thì tôi không được biết, cho đến khi Cơ quan điều tra Công an huyện B làm việc tôi mới biết là UBND xã Ph mượn ông Lê Xuân H số tiền 50.000.000 đồng. Trong giấy mượn tiền do Văn phòng UBND xã đánh máy có tên tôi, nhưng thực chất hôm đó tôi vắng mặt không được biết. Hiện nay ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc UBND xã Ph trả lại số tiền gốc 50.000.000 đồng, tôi đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi liên quan ông Nguyễn Thanh S trình bày: Vào thời gian có giấy mượn tiền giữa đại diện UBND xã với ông Lê Xuân H thì tôi đang giữ chức vụ cán bộ địa chính UBND xã Ph. Chủ trương mượn tiền và giấy mượn tiền có tên tôi nhưng tôi không hề hay biết việc này. Đến năm 2017 ông Lê Xuân H đến đòi tiền mượn tại UBND xã Ph thì tôi mới biết. Khi biết sự việc thì tôi có hỏi thường trực Đảng ủy xã Ph vì sao có tên tôi trong giấy mượn tiền thì ông H có nói “Đề tên ông vào đại diện UBND xã Ph cho đúng thành phần”. Việc vay mượn tiền ai giao, ai nhận tôi không biết. Sau này tôi mới biết mục đích vay tiền là để nộp tiền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà các hộ dân đã nộp trước đó.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện Bó Trạch phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh S vắng mặt, nhưng ông đã có bản tự khai ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và ý kiến của bị đơn nên việc vắng mặt ông

S không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông S.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà thấy rằng: Ông Nguyễn Ngọc H, Chủ tịch UBND xã Ph là người đại diện theo pháp luật của UBND xã đã hợp xin ý kiến Đảng uỷ xã đưa ra phương án mượn tiền của một số hộ dân để nộp vào Kho bạc, Đảng uỷ xã đã đồng ý (nhưng không có văn bản). Việc ký kết và thực hiện Hợp đồng của hai bên là hoàn toàn tự nguyện, chủ thể, hình thức, nội dung hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm ký kết nên có hiệu lực thi hành đối với các bên, các bên phải có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ đã được thỏa thuận trong giấy mượn tiền, nhưng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo giấy mượn tiền nên nguyên đơn khởi kiện. Vì vậy, có căn cứ khẳng định đến tại thời điểm xét xử sơ thẩm UBND xã Ph còn vay mượn ông Lê Xuân H số tiền gốc 50.000.000 đồng; còn phần lãi suất phát sinh ông H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 và các Điều 91; 139, 140, 141, 144, 471, 474 và Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 để xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H. Buộc UBND xã phải có trách nhiệm thanh toán tiền gốc còn vay mượn của ông H là 50.000.000 đồng và lãi suất chậm trả. Tuyên buộc UBND xã phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo đối với các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện của ông Lê Xuân H và các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện. Tòa án xác định đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà hôm nay, ông S người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng ông đã có bản tự khai ghi ý kiến của mình nên việc vắng mặt ông S không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông S.

[2] Về nội dung: Xét ý kiến yêu cầu của các bên đương sự thấy. Vào ngày 30/12/2009 ông Nguyễn Ngọc H, chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Ph và ông Lê Xuân H đã tự nguyện thỏa thuận ký kết giấy mượn tiền để nộp tiền cấp quyền sử dụng đất. Nội dung giấy mượn tiền thể hiện UBND xã Ph có mượn của ông Lê Xuân H số tiền 50.000.000 đồng, không ghi thời hạn mượn và các bên không thỏa thuận lãi suất. Khi ký kết giấy mượn tiền ông H, chức vụ Chủ tịch xã là người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân xã Ph đã ký và đóng dấu của UBND xã Ph; ông H và ông H đều là những người đủ năng lực hành vi dân sự. Ông H đã

giao đủ số tiền 50.000.000 đồng cho ông H, ông H nhận đủ số tiền ông H giao và nộp vào Kho bạc nhà nước để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân theo nội dung giấy mượn tiền mà hai bên đã ký kết. Vì vậy, giấy mượn tiền mà hai bên đã ký kết được coi là Hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi. Việc ký kết và thực hiện Hợp đồng của hai bên là hoàn toàn tự nguyện, chủ thể, hình thức, nội dung hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm ký kết nên có hiệu lực thi hành đối với các bên, các bên phải có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ đã được thỏa thuận trong giấy mượn tiền. Tuy nhiên, do UBND xã Ph không có phương án trả lại số tiền đã vay mượn cho ông H. Do đó, trong quá trình giải quyết vụ án ông H yêu cầu UBND xã Ph phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền vay mượn gốc là 50.000.000 đồng theo giấy mượn tiền mà hai bên đã ký kết. Tại phiên tòa ông Huệ không yêu cầu giải quyết tiền lãi phát sinh trên số tiền mà UBND xã đã mượn. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy việc ông Lê Xuân H khởi kiện yêu cầu UBND xã Ph phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền vay mượn gốc 50.000.000 đồng là phù hợp với thỏa thuận của các bên đã ký kết trong giấy mượn tiền và phù hợp với quy định tại Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 và các Điều 91; 139, 140, 141, 144, 471, 474 và Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005 nên ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, có căn cứ nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Xuân H để buộc UBND xã Ph phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền vay mượn gốc là 50.000.000 đồng cho ông Lê Xuân H. Tại phiên tòa ông Lê Xuân H không yêu cầu giải quyết tiền lãi phát sinh trên số tiền mà UBND xã đã mượn nên không xem xét.

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của ông Lê Xuân H được Tòa án chấp nhận nên không phải chịu án phí. Ông Lê Xuân H được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quyết định số 07/QĐ-MGAP ngày 11/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Bồ Trách. Xử buộc UBND xã Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật để nộp vào ngân sách Nhà nước.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 và các Điều 91; 139, 140, 141, 144, 471, 474 và Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xét xử vụ án vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh S.

2. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Xuân H. Buộc Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện B, tỉnh Quảng Bình phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền vay

mượn gốc 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) cho ông Lê Xuân H, theo giấy mượn tiền đề ngày 30/12/2009 mà đại diện Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện B, tỉnh Quảng Bình và ông Lê Xuân H đã ký kết.

3. Về án phí: xử buộc Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện B, tỉnh Quảng Bình phải chịu 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đề nộp vào ngân sách nhà nước.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án dân sự có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai. Báo cho nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Những người vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- TAND tỉnh Quảng Bình(02 bản);
- UBND xã Ph;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Dương Viết Hải